

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Số: 17/2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16/11/2005 của Chính phủ quy định về công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra thực hiện các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo BR-VT;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, T4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

QUY CHẾ

phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/2014/QĐ-UBND

ngày 16 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan) trong xây dựng các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Điều 2. Các cơ quan phối hợp trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Phải bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và bảo đảm chất lượng của các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm, hiệu quả trong việc giải quyết các công việc có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp.

1. Nội dung chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.
2. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.
3. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và tiến độ thời gian trong quá trình phối hợp.
4. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức được tham gia phối hợp.

Điều 4. Cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp trong xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo các hình thức sau đây:

1. Đối với việc tổ chức phối hợp trong công tác xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được thực hiện theo hình thức:

- Lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Tổ chức họp tư vấn liên ngành.
 - Yêu cầu các cơ quan phối hợp cung cấp những thông tin cần thiết theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề, những nội dung cần phối hợp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.
2. Đối với việc tổ chức phối hợp trong công tác kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi đã có hiệu lực thi hành được thực hiện theo hình thức:
- Tổ chức thành Đoàn kiểm tra.
 - Lấy ý kiến cơ quan phối hợp hoặc cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến những vấn đề và nội dung kiểm tra.
 - Làm việc trực tiếp với cơ quan được kiểm tra.
 - Đề nghị cơ quan phối hợp hoặc cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến những vấn đề và nội dung kiểm tra hoặc cơ quan được kiểm tra cung cấp những thông tin cần thiết và thẩm tra những thông tin đó.
 - Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC XÂY DỰNG, KIỂM TRA CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ trì trong xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

1. Xây dựng và chuẩn bị chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo kế hoạch được giao. Đồng thời, xác định rõ những nhiệm vụ liên quan của các cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức các hoạt động phối hợp để hoàn thiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo kế hoạch và tiến độ thời gian.
3. Yêu cầu các cơ quan phối hợp cử cán bộ để tham gia công tác phối hợp với các Sở, ban, ngành khác.
4. Cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và những điều kiện cần thiết khác bảo đảm thuận lợi cho công tác phối hợp.
5. Tập hợp đầy đủ các tài liệu và tổ chức nghiên cứu; xây dựng báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan phối hợp.

6. Trình chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của cơ quan cho cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.
7. Lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định của pháp luật.
8. Báo cáo và giải trình với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, về tình hình phối hợp theo quy định của Quy chế này.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan phối hợp trong việc tham gia xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.
2. Người đứng đầu cơ quan phối hợp phải có trách nhiệm tham gia trong công tác phối hợp; hoặc cử người có thẩm quyền, trách nhiệm để tham gia trong công tác phối hợp.
3. Người được cơ quan cử tham gia phối hợp phải tuân thủ tiến độ thời gian về việc góp ý kiến đối với những vấn đề, nội dung theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và phải chịu trách nhiệm về chất lượng và tính nhất quán của các ý kiến trong các hoạt động phối hợp của cơ quan mình.
4. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cung cấp những thông tin, các số liệu, dữ liệu và phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đó.
5. Báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh khi cơ quan chủ trì không mời tham gia các hoạt động phối hợp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; báo cáo giải trình với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình phối hợp theo quy định của Quy chế này.

Điều 7. Xác định cơ quan phối hợp trong xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

1. Căn cứ quy định tại Điều 3 Quy chế này, cơ quan chủ trì xác định các cơ quan phối hợp trong xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và có công văn yêu cầu cụ thể gửi cơ quan phối hợp.
2. Đối với chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của UBND tỉnh trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh quyết định, phê duyệt:

Chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan nào thì do cơ quan đó dự thảo, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về toàn bộ nội dung, thể thức văn bản và thời hạn trình.

Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để trình UBND tỉnh và trình cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo kế hoạch đề ra.

3. Đối với chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, phê duyệt:

Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 5 của Quy chế này.

Điều 8. Phối hợp trong việc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Cơ quan chủ trì có thể lấy ý kiến về chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thông qua việc gửi dự thảo chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đến cơ quan phối hợp.
2. Cơ quan chủ trì gửi dự thảo chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cho cơ quan phối hợp và phải xác định những nội dung cần xin ý kiến đối với từng cơ quan phối hợp căn cứ vào nhiệm vụ phối hợp đã được nêu trong kế hoạch xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Tùy theo nội dung, tính chất của chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ quan chủ trì có thể yêu cầu cơ quan phối hợp sửa trực tiếp vào chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, hoặc gửi công văn góp ý đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.
3. Cơ quan phối hợp phải chấp hành tiến độ thời gian trong việc tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan chủ trì được quy định tại khoản 2 điều này và chịu trách nhiệm ý kiến góp ý về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình; nếu đồng ý hay có những việc cần chỉnh sửa thì phải trả lời bằng văn bản.
4. Trường hợp cơ quan chủ trì không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp thì phải giải thích lý do bằng văn bản cho cơ quan đó và chịu trách nhiệm về phương án của mình.

Điều 9. Phối hợp trong việc lấy ý kiến tại cuộc họp tư vấn.

1. Cơ quan chủ trì có quyền tổ chức họp tư vấn một hoặc nhiều lần để thảo luận trực tiếp, lấy ý kiến về chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
2. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, cơ quan chủ trì phải gửi cho cơ quan phối hợp những văn bản sau đây:
 - Dự thảo hồ sơ, tài liệu có liên quan và các vấn đề cần xin ý kiến về chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
 - Công văn mời họp, trong đó xác định thời gian, địa điểm, nội dung chính của cuộc họp và thành phần tham dự.
3. Thủ trưởng cơ quan phối hợp phải cử cán bộ, công chức tham gia theo đúng thành phần và theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, chỉ đạo cán bộ, công chức tham gia họp phát biểu về vấn đề theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan chủ trì.
4. Nội dung họp phải được cơ quan chủ trì ghi thành biên bản, lưu hồ sơ và do Chủ tọa ký xác nhận, trong đó ghi rõ cơ quan không tham gia họp hoặc không chuẩn bị nội dung đã được yêu cầu phát biểu. Cơ quan chủ trì gửi biên bản đó cho các cơ quan phối hợp.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì trong kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

1. Xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, phê duyệt.

2. Gửi kế hoạch kiểm tra cho các cơ quan phối hợp, cơ quan được kiểm tra để theo dõi công tác phối hợp theo thẩm quyền.
3. Tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 5.
4. Báo cáo kết quả kiểm tra với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và đề xuất phương án xử lý sau kiểm tra; chịu trách nhiệm về tiến độ công tác kiểm tra và tính chính xác của báo cáo kiểm tra.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp trong kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo kế hoạch kiểm tra đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Nếu xét thấy nội dung phối hợp không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thì Thủ trưởng cơ quan phối hợp có thể từ chối việc phối hợp với cơ quan chủ trì.
2. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, Điều 6 Quy chế này.

Điều 12. Xác định cơ quan phối hợp kiểm tra.

1. Căn cứ quy định tại Điều 3 Quy chế này, Cơ quan chủ trì xác định các cơ quan phối hợp kiểm tra và có công văn yêu cầu cụ thể gửi cơ quan phối hợp.
2. Cơ quan phối hợp kiểm tra có trách nhiệm gửi danh sách cán bộ, công chức tham gia phối hợp theo đúng thành phần về cơ quan chủ trì để điều phối công tác kiểm tra theo quy định của pháp luật về kiểm tra.

Điều 13. Phối hợp trong việc thành lập đoàn kiểm tra.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra: cơ quan chủ trì gửi công văn đề nghị các cơ quan phối hợp cử cán bộ, công chức tham gia đoàn kiểm tra để tham gia đoàn công tác; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Phối hợp trong hoạt động của đoàn kiểm tra.

Đoàn kiểm tra hoạt động theo kế hoạch kiểm tra do cơ quan chủ trì quyết định, trong đó xác định trách nhiệm của từng thành viên, thời hạn và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của từng thành viên.

Các thành viên trong đoàn kiểm tra phải tuân thủ kế hoạch kiểm tra của cơ quan chủ trì; tham gia đầy đủ các hoạt động kiểm tra theo sự điều hành của cơ quan chủ trì. Trong trường hợp không thể tham gia hoạt động kiểm tra vì lý do chính đáng, phải báo cáo để Thủ trưởng cơ quan cử người khác thay thế.

Điều 15. Phối hợp xây dựng báo cáo kiểm tra.

1. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm xây dựng báo cáo về kết quả kiểm tra, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Ngoài kết quả kiểm tra, trong báo cáo còn phải nêu những vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất việc sửa đổi bổ

sung các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; những kiến nghị (nếu có) và kết quả thực hiện trong công tác phối hợp kiểm tra.

Dự thảo báo cáo phải được các cơ quan phối hợp (nếu có) cho ý kiến trước khi trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Những ý kiến đó phải được thể hiện trong báo cáo của cơ quan chủ trì kiểm tra.

2. Trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì đoàn kiểm tra liên ngành thì cơ quan chủ trì có trách nhiệm xây dựng báo cáo về kết quả kiểm tra trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương III

ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 16. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hoạt động phối hợp của các Sở, ban, ngành; các huyện, thành phố, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện công tác phối hợp.
2. Yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố phối hợp công tác.
3. Sáu tháng một lần tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về công tác phối hợp.
4. Báo cáo định kỳ, đột xuất và giải trình về công tác phối hợp theo quy định của Quy chế này.
5. Thông báo về Văn phòng UBND tỉnh những cơ quan phối hợp không thực hiện trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu của cơ quan mình.

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh điều phối hoạt động phối hợp giữa các cơ quan thuộc UBND tỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác phối hợp của tỉnh, cụ thể như sau:

1. Làm đầu mối liên hệ với các cơ quan khác để thực hiện nhiệm vụ phối hợp; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phối hợp giữa UBND tỉnh với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương.
2. Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố.
3. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của Thủ trưởng các cơ quan trong tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

4. Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì tổ chức các cuộc họp với các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong công tác phối hợp.

Điều 18. Chế độ báo cáo về việc thực hiện công tác phối hợp.

1. Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh định kỳ (*sáu tháng một lần*) hoặc đột xuất bằng văn bản về tình hình thực hiện công tác phối hợp trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

2. Báo cáo về công tác phối hợp phải thể hiện tình hình chấp hành tiến độ trong công tác phối hợp, việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của từng cơ quan được phân công và chất lượng hoạt động phối hợp của các cơ quan đó, những đề xuất, kiến nghị về công tác phối hợp (*nếu có*).

3. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất là ngày 10 của tháng 06 và tháng 12 hàng năm.

Điều 19. Trách nhiệm giải trình

1. Đối với chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh quyết định, phê duyệt: Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng báo cáo giải trình.

2. Đối với chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, phê duyệt, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp có trách nhiệm lập báo cáo giải trình về nội dung chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo giải trình gửi UBND tỉnh theo quy định.

3. Cơ quan yêu cầu giải trình phải nêu rõ nội dung những vấn đề mà cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp cần giải trình.

Chương IV

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 20. Bảo đảm kinh phí.

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố căn cứ kế hoạch công tác phối hợp và dự toán ngân sách hàng năm, bố trí kinh phí thực hiện công tác phối hợp.

Trường hợp công tác phối hợp phát sinh đột xuất thì sử dụng kinh phí dự phòng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 21. Bảo đảm về thông tin.

1. Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu về việc cung cấp thông tin phục vụ cho công tác phối hợp theo các quy định của Quy chế này.

2. Khi xử lý những vấn đề có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan phối hợp, cơ quan chủ trì có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan đó.

3. Thủ trưởng cơ quan chủ trì chỉ đạo việc chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản đề trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Hồ sơ phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan phối hợp hoặc báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan đó. Các ý kiến khác với cơ quan chủ trì phải được tập hợp đầy đủ trong hồ sơ trình lên cấp có thẩm quyền.

Điều 22. Bảo đảm điều kiện về thời gian.

Cơ quan chủ trì phải bảo đảm điều kiện về thời gian theo các quy định của Quy chế này để cơ quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ phối hợp.

Thủ trưởng cơ quan phối hợp có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian để cán bộ, công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ phối hợp trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khen thưởng.

Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phối hợp, hoàn thành nhiệm vụ được giao được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 24. Xử lý vi phạm.

1. Chủ tịch UBND tỉnh phê bình Thủ trưởng cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp nếu trong hoạt động phối hợp để xảy ra vi phạm sau đây:

a. Cơ quan chủ trì không thực hiện đúng quy định về việc gửi hồ sơ hoặc vi phạm thời hạn phối hợp theo quy định của Quy chế này đến lần thứ ba.

b. Cơ quan phối hợp vi phạm thời hạn phối hợp theo quy định của Quy chế này đến lần thứ ba; không trả lời khi được hỏi ý kiến hoặc được yêu cầu cung cấp thông tin đến lần thứ ba; không tham gia họp đến lần thứ ba.

c. Cơ quan có trách nhiệm phối hợp theo quy định tại Điều 3 Quy chế này từ chối cử cán bộ, công chức tham gia mà không có lý do chính đáng.

d. Cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp không chấp hành chế độ báo cáo thông tin, báo cáo định kỳ theo quy định tại Quy chế này đến lần thứ ba.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ra thông báo phê bình về việc vi phạm trong hoạt động phối hợp.

2. Trong năm, nếu Thủ trưởng cơ quan ba lần bị Chủ tịch UBND tỉnh phê bình, thì Giám đốc Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng hình thức kỷ luật đối với người đó theo Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức và quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định tại Quy chế này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, cần sửa đổi bổ sung, đề nghị các cơ quan phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, trình UBND tỉnh xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên